**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA TIN 12**

**Câu 1: Access là gì?**

A. Là phần mềm ứng dụng B. Là hệ QTCSDL do hãng Microsoft sản xuất

C. Là phần cứng D. Cả A và B

**Câu 2: Các chức năng chính của Access?**

A. Lập bảng B. Tính toán và khai thác dữ liệu

C. Lưu trữ dữ liệu D. Ba câu trên đều đúng

**Câu 3: Access có những khả năng nào?**

A. Cung cấp công cụ tạo lập, lưu trữ dữ liệu

B. Cung cấp công cụ tạo lập, cập nhật và khai thác dữ liệu

C. Cung cấp công cụ tạo lập, lưu trữ và khai thác dữ liệu

D. Cung cấp công cụ tạo lập, lưu trữ, cập nhật và khai thác dữ liệu

**Câu 4: Các đối tượng cơ bản trong Access là:**

A. Bảng, Macro, Biểu mẫu, Mẫu hỏi B. Bảng, Macro, Biểu mẫu, Báo cáo

C. Bảng, Mẫu hỏi, Biểu mẫu, Báo cáo D. Bảng, Macro, Môđun, Báo cáo

**Câu 5: Để định dạng, tính toán, tổng hợp và in dữ liệu, ta dùng:**

A. Table B. Form C. Query D. Report

**Câu 6: Để sắp xếp, tìm kiếm và kết xuất dữ liệu xác định từ một hoặc nhiều bảng, ta dùng:**

A. Table B. Form C. Query D. Report

**Câu 7: Đối tượng nào tạo giao diện thuận tiện cho việc nhập hoặc hiển thị thông tin?**

A. Table B. Form C. Query D. Report

**Câu 8: Đối tượng nào có chức năng dùng để lưu dữ liệu?**

A. Table B. Form C. Query D. Report

**Câu 9: Để khởi động Access, ta thực hiện:**

A. Nháy đúp vào biểu tượng Access  trên màn hình nền

B. Nháy vào biểu tượng Access  trên màn hình nền

C. Start 🡪 All Programs 🡪 Microsoft Office 🡪 Microsoft Access

D. A hoặc C

**Câu 10: Để tạo một CSDL mới và đặt tên tệp trong Access, ta phải:**

A. Khởi động Access, vào File chọn New hoặc kích vào biểu tượng New

B. Vào File chọn New

C. Kích vào biểu tượng New

D. Khởi động Access, vào File chọn New hoặc kích vào biểu tượng New, kích tiếp vào Blank DataBase, rồi đặt tên file và chọn vị trí lưu tệp, rồi sau đó chọn Create

**Câu 11: Hãy sắp xếp các bước sau để được một thao tác *đúng* khi tạo một CSDL mới?**

(1) Chọn nút Create ( 2) Chọn File -> New (3) Nhập tên cơ sở dữ liệu (4) Chọn Blank Database

A. (2) → (4) → (3) → (1) B. (2) → (1) → (3) → (4)

C. (1) → (2) → (3) → (4) D. (1) → (3) → (4) → (2)

**Câu 12: Trong Access, để tạo CSDL mới, thao tác thực hiện lệnh nào sau đây là *đúng?***

A. Create Table in Design View B. Create table by using wizard

C. File/open D. File/New/Blank Database

**Câu 13: Trong Acess, để mở CSDL đã lưu, thao tác thực hiện lệnh nào sau đây là đúng?**

A. File/new/Blank Database B. Create table by using wizard

C. File/open/<tên tệp> D. Create Table in Design View

**Câu 14: Giả sử đã có tệp Access trên đĩa, để mở tập tin đó thì ta thực hiện thao tác nào mới đúng?**

A. Nhấn tổ hợp phím CTRL+ O

B. Nháy đúp chuột lên tên của CSDL (nếu có) trong khung New File

C. File/Open

D. Cả A, B và C đều đúng

**Câu 15: Kết thúc phiên làm việc với Access bằng cách thực hiện thao tác:**

A. File/Close

B. Nháy vào nút (X) nằm ở góc trên bên phải màn hình làm việc của Access

C. File/Exit

D. Câu B hoặc C

**Câu 16: Hai chế độ chính làm việc với các đối tượng là:**

A. Trang dữ liệu và thiết kế B. Chỉnh sửa và cập nhật

C. Thiết kế và bảng D. Thiết kế và cập nhật

**Câu 17: Chế độ thiết kế được dùng để:**

A. Tạo mới hay thay đổi cấu trúc của bảng, mẫu hỏi; thay đổi cách trình bày và định dạng biểu mẫu, báo cáo

B. Cập nhật dữ liệu cho của bảng, mẫu hỏi; thay đổi cách trình bày và định dạng biểu mẫu, báo cáo

C. Tạo mới hay thay đổi cấu trúc của bảng, mẫu hỏi; hiển thị dữ liệu của biểu mẫu, báo cáo

D. Tạo mới hay thay đổi cấu trúc của bảng, mẫu hỏi, biểu mẫu và báo cáo

**Câu 18: Chế độ trang dữ liệu được dùng để:**

A. Tạo mới hay thay đổi cấu trúc của bảng, mẫu hỏi; thay đổi cách trình bày và định dạng biểu mẫu, báo cáo

B. Cập nhật dữ liệu cho của bảng, mẫu hỏi; thay đổi cách trình bày và định dạng biểu mẫu, báo cáo

C. Hiển thị dữ liệu của biểu mẫu, báo cáo; thay đổi cấu trúc bảng, mẫu hỏi

D. Hiển thị dữ liệu dạng bảng, cho phép xem, xóa hoặc thay đổi các dữ liệu đã có

**Câu 19: Một đối tượng trong Access có thể được tạo ra bằng cách:**

A. Người dùng tự thiết kế, dùng thuật sĩ hoặc kết hợp cả 2 cách trên

B. Người dùng tự thiết kế

C. Kết hợp thiết kế và thuật sĩ

D. Dùng các mẫu dựng sẵn

**Câu 20: Phần đuôi của tên tập tin trong Access là**

A. MDB B. DOC C. XLS D. TEXT

**Câu 21: Để mở một đối tượng trong cửa sổ của loại đối tượng tương ứng, ta thực hiện:**

*A.* Nháy lên tên một đối tượng rồi tiếp tục nháy nút  để mở nó

B. Nháy lên tên một đối tượng để mở nó

*C.* Nháy đúp lên tên một đối tượng để mở nó

D. Đáp án A hoặc C

**Câu 22: Giả sử đã có tệp Access trên đĩa, để mở tập tin đó thì ta thực hiện thao tác nào mới đúng?**

***A.***Nhấn tổ hợp phím CTRL+O

***B.***Nháy đúp chuột lên tên của CSDL (nếu có) trong khung New File

***C.***File/Open

**D.**Cả A, B và C đều đúng

**Câu 23: Để mở một bảng ở chế độ thiết kế, ta chọn bảng đó rồi:**

A. Click vào nút 

B. Bấm Enter

C. Click vào nút 

D. Click vào nút 

**Câu 24: Khi chọn kiểu dữ liệu cho trường THÀNH\_TIỀN (bắt buộc kèm theo đơn vị tiền tệ), phải  chọn loại nào?**

**A.**Number                            **B.**Currency                           **C.**Text                         **D.**Date/time

**Câu 25: Khi chọn dữ liệu cho các trường chỉ chứa một trong hai giá trị như: trường “gioitinh”, trường  “đoàn viên”, nên chọn kiểu dữ liệu nào để sau này nhập dữ liệu cho nhanh.**

**A.**Number                            **B.**Text                        **C.**Yes/No                        **D.**Auto Number

**Câu 26: Đâu là kiểu dữ liệu văn bản trong Access:**

**A.**Character                          **B.**String                                **C.**Text                           **D.**Currency

**Câu 27: Khi làm việc với cấu trúc bảng, để xác định tên trường, ta gõ tên trường tại cột:**

**A.**FileName                         **B.**Field Name                       **C.**NameField                      **D.**Name

**Câu 28: Khi làm việc với cấu trúc bảng, để xác định kiểu dữ liệu của trường, ta xác định tên kiểu dữ liệu tại cột:**

**A.**FieldType                     **B.**Description          **C.**Data Type                        **D.**FieldProperties

**Câu 29: Cho các thao tác sau:**

1. **Mở cửa sổ CSDL, chọn đối tượng Table trong bảng chọn đối tượng.**
2. **Trong cửa sổ Table: gõ tên trường, chọn kiểu dữ liệu, mô tả, định tính chất trường.**
3. **Tạo cấu trúc theo chế độ thiết kế.**
4. **Đặt tên và lưu bảng.**
5. **Chỉ định khóa chính.**

**Để tạo cấu trúc một bảng trong CSDL, ta thực hiện lần lượt các thao tác:**

**A.**1, 3, 2, 5, 4                       **B.**3, 4, 2,1, 5                       **C.**2, 3, 1, 5,4                **D.**1, 2, 3,4, 5

**Câu 30: Muốn đổi bảng THISINH thành tên bảng HOCSINH ta thực hiện :**

**A.**Nháy chọn tên THISINH / gõ tên HOCSINH.

**B.**Nháy phải chuột  vào tên THISINH/Rename / gõ tên HOCSINH.

**C.**Trong chế độ thiết kế của bảng THISINH, gõ tên HOCSINH vào thuộc tính caption của trường chính.

**D.**File / Rename / gõ tên HOCSINH

**Câu 31: Cập nhật dữ liệu là:**

**A.**Thay đổi dữ liệu trong các bảng

**B.**Thay đổi dữ liệu trong các bảng gồm: thêm bản ghi mới, chỉnh sửa, xóa bản ghi

**C.**Thay đổi cấu trúc của bảng

**D.**Thay đổi cách hiển thị dữ liệu trong bảng

**Câu 32: Xét công tác quản lí hồ sơ. Trong số các công việc sau, những việc nào không thuộc nhóm thao tác cập nhật hồ sơ?**

**A.**Xóa một hồ sơ                                                               **B.**Thống kê và lập báo cáo

**C.**Thêm hai hồ sơ                                                               **D.**Sửa tên trong một hồ sơ.

**Câu 33: Một hệ quản trị CSDL không có chức năng nào trong các chức năng dưới đây?**

**A.**Cung cấp môi trường tạolập CSDL

**B.**Cung cấp môi trường cập nhật và khai thác dữ liệu

**C.**Cung cấp công cụ quản lí bộ nhớ

**D.**Cung cấp công cụ kiểm soát, điều khiển truy cập vào CSDL.

**Câu 34: Người nào có vai trò quan trọng trong vấn đề phân quyền hạn truy cập sử dụng CSDL?**

A. Người lập trình                B. Người dùng

C. Người quản trị               D. Nguời quản trị CSDL

**Câu 35: Quy trình xây dựng CSDL là:**

**A.**Khảo sát, Thiết kế , Kiểm thử                                 **B.**Khảo sát , Kiểm thử , Thiết kế

**C.**Thiết kế , Kiểm thử, Khảo sát                                 **D.**Thiết kế , Khảo sát , Kiểm thử

**Câu 36: Cơ sở dữ liệu (CSDL) là :**

A. Tập hợp dữ liệu chứa đựng các kiểu dữ liệu: ký tự, số, ngày/giờ, hình ảnh... của một chủ thể nào đó.

B. Tập hợp dữ liệu có liên quan với nhau theo một chủ đề nào đó được ghi lên giấy.

C. Tập hợp dữ liệu có liên quan với nhau theo một chủ đề nào đó được lưu trên máy tính điện tử để đáp ứng nhu cầu khai thác thông tin của nhiều người.

D. Tập hợp dữ liệu có liên quan với nhau theo một chủ đề nào đó được lưu trên giấy để đáp ứng nhu cầu khai thác thông tin của nhiều người.

**Câu 37: Hệ quản trị CSDL là:**

A. Phần mềm dùng tạo lập, cập nhật, lưu trữ và khai thác thông tin của CSDL

B. Phần mềm dùng tạo lập, lưu trữ một CSDL

C. Phần mềm để thao tác và xử lý các đối tượng trong CSDL

D. Phần mềm dùng tạo lập CSDL

**Câu 38: Hoạt động nào sau đây có sử dụng CSDL?**

A. Bán vé máy bay B. Quản lý học sinh trong nhà trường

C. Bán hàng có quy mô D. Tất cả đều đúng

**Câu 14: Xét tệp lưu trữ hồ sơ học bạ của học sinh, trong đó lưu trữ điểm tổng kết của các môn Văn, Toán, Lí, Sinh, Sử, Địa. Những việc nào sau đây *không* thuộc thao tác tìm kiếm?**

A. Tìm học sinh có điểm tổng kết môn Văn cao nhất

B. Tìm học sinh có điểm tổng kết môn Toán thấp nhất

C. Tìm học sinh có điểm trung bình sáu môn cao nhất

D. Tìm học sinh nữ có điểm môn Toán cao nhất và học sinh nam có điểm môn Văn cao nhất

**Câu 40: Hãy nêu các ưu điểm khi sử dụng CSDL trên máy tính điện tử:**

A. Gọn, thời sự (Cập nhật đầy đủ, kịp thời...)

B. Gọn, nhanh chóng

C. Gọn, thời sự, nhanh chóng, nhiều nguời có thể sử dụng chung CSDL

D. Gọn, thời sự, nhanh chóng